TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2018
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái.

Ông Nguyễn Duy Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLPT-DS ngày 03/11/2017, về việc tranh chấp yêu cầu kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2017/QĐPT-DS ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Xí nghiệp xây dựng D

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn B, sinh năm 1944; Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã D1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, có mặt.

Địa chỉ: Xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang H, sinh năm 1957; Địa chỉ: xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người kháng cáo: Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Xí nghiệp xây dựng D, ông Lê Văn B cho biết:

Ngày 06 tháng 02 năm 2006 Xí nghiệp xây dựng D (gọi tắt là Xí nghiệp) có ký hợp đồng số 01 với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là Ủy ban) về việc làm đường cấp phối dài 1.249m từ thôn 8 đi G, xã Đ. Tại điều 1, điều 2 của hợp đồng ghi "Xí nghiệp xây dựng D nhận thầu tuyến đường đất cấp phối từ thôn 8 đi G, xã Đ dài 1.249m; rộng 3,7m; cao mặt đường trung bình 33cm = 1.525m^3; 1m^3 = 220.000đồng x 1.525m^3 = 335.500.000 đồng. Thời gian thi công trong vòng 30 ngày kể từ khi ký hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, Xí nghiệp đã tiến hành việc đổ đất, thi công và hoàn thành công trình theo hợp đồng. Ngày 06 tháng 3 năm 2006 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành đưa vào sử dụng và tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng và xác nhận Ủy ban thanh toán cho Xí nghiệp số tiền 335.500.000 đồng. Tuy nhiên sau khi lập biên bản nghiệm thu thì Ủy ban không thực hiện được việc trả tiền theo cam kết. Ngày 06 tháng 4 năm 2006 Xí nghiệp và Ủy ban lập Biên bản làm việc, thể hiện nội dung: Ủy ban đồng ý quy đổi số tiền 335.500.000 đồng thành 671m^2 đất tại đường trục chính xã Đ từ thôn 8 đi bờ Kênh 6A S. Giá trị thời điểm của 01 ô đất là 5m x 20m = 100m^2, bình quân 01m^2 đất = 500.000 đồng để trả cho Xí nghiệp. Ủy ban chốt giá đất ở thời điểm 335.500.000 đồng chia cho 500.000 đồng = 671m^2 đất. Đến khi thanh toán cho Xí nghiệp thì diện tích đất 671m^2 tại đường trục chính xã Đ được tính theo giá của Hội đồng đấu giá thời điểm đó để chính thức trả cho Xí nghiệp mới kết thúc giá trị của Biên bản làm việc ngày 06/4/2006 giữa Ủy ban và Xí nghiệp.

Tuy nhiên từ năm 2013 đến năm 2015 Ủy ban đã tổ chức và bán đấu giá thành công đối với quyền sử dụng đất tại đường trục chính xã Đ (phần đất Ủy ban đã thống nhất xác định giá trị tại thời điểm đấu giá để trả tiền cho Xí nghiệp) nhưng Ủy ban không thực hiện việc trả tiền cho Xí nghiệp.

Nay Xí nghiệp đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ủy ban phải thực hiện việc trả tiền cho Xí nghiệp theo "Biên bản làm việc" ngày 06/4/2006. Quá trình giải quyết vụ án Xí nghiệp xác định giá trị mỗi m^2 đất tại đường trục chính xã Đ là 10.000.000 đồng. Vì vậy số tiền Xí nghiệp yêu cầu Ủy ban phải trả là 6.710.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Lê Văn B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xí nghiệp chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban trả số tiền 5.000.000.000 đồng. Vì theo kết quả đấu giá năm 2010 thì trung bình mỗi m^2 đất là 7.530.000 đồng.

Bị đơn là Ủy ban nhân dân xã Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Đ, ông Bùi Văn C trình bày: Lý do Ủy ban chưa quyết toán, thanh lý hợp đồng và trả tiền cho Xí nghiệp thì ông không biết. Vì bản thân ông không được bàn giao công trình khi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban từ tháng 5/2015 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang H trình bày: Việc ông đại diện Ủy ban ký hợp đồng kinh tế số: 01/HĐ - KT ngày 06/02/2006 với Xí nghiệp là đúng thẩm quyền đã được thông qua cuộc họp Ủy ban và được sự ủng hộ, đồng ý của tất cả mọi người. Công trình là để phục vụ việc phát triển kinh tế, an sinh xã hội của 134 hộ dân mới được cắm đất lên khu G, xã Đ vì khi đó đường nhỏ, xuống cấp. Nguồn chi trả được lấy từ tiền đấu giá đất của Ủy ban. Lý do ông không bàn giao là do sơ suất vì khi đó toàn bộ hồ sơ là do Kế toán ngân sách Ủy ban xã giữ. Ông không có đơn yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay Xí nghiệp khởi kiện yêu cầu Ủy ban phải thực hiện việc trả tiền theo Biên bản làm việc được lập ngày 06/4/2006, ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng Điều 280; Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V phải trả cho Xí nghiệp xây dựng D số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên lãi chậm trả, quyền thi hành án, tính án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 16/10/2017, đại diện của Ủy ban nhân dân xã Đ kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, nội dung: Bản án sơ thẩm căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 06/4/2006 giữa Uỷ ban và Xí nghiệp về việc quy đổi số tiền 335.500.000 đồng thành 671m^2 đất tại đường trục chính xã Đ và buộc Uỷ ban phải trả cho Xí nghiệp số tiền 5.000.000.000 đồng là không đảm bảo tính pháp lý và thực tế xã hội; thỏa thuận phương thức xử lý thanh toán nợ

quá hạn theo lãi suất ngân hàng là 1,2%/tháng là tùy tiện. Lý do: Biên bản làm việc ngày 06/4/2006 không có chủ trương của tập thể Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban. Biên bản làm việc ngày 06/4/2006 có nội dung của trang trước với trang sau không có liên quan gì đến nhau và có nhiều điểm mâu thuẫn, do vậy cần phải giám định và xác minh tính hợp pháp của văn bản này. Bản án sơ thẩm không ghi ý kiến và quan điểm của bị đơn trong phần nội dung để đánh giá giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ Biên bản làm việc ngày 06/4/2006 có được tập thể Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân họp ra nghị quyết hay không nên chưa thể xác định được biên bản này có hiệu lực hay không. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ tính hợp pháp nội dung hồ sơ hợp đồng kinh tế giữa hai bên. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Ngày 11/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V ban hành Quyết định số: 505/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V. Nội dung: Cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc tuyên nghĩa vụ chịu án phí của bị đơn; vi phạm trong việc thu thập tài liệu chứng cứ, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không đảm bảo để xét xử vụ án một cách toàn diện đúng pháp luật; đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Hủy Bản án dân sự số: 30/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, giao hồ sơ lại cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V và kháng cáo của Uỷ ban nhân dân xã Đ được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] *Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:*

Khi xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án, nội dung của kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại tờ trình số: 22a/TT-UB ngày 09/5/2005 của Uỷ ban nhân dân xã Đ về việc sử dụng nguồn vốn cấp đất giãn dân vốn năm 2004 chuyển sang năm 2005

thì không thể hiện hạng mục công trình được xây dựng là làm đường cấp phối từ thôn 8 đi G, ngoài ra không có bất cứ văn bản nào thể hiện Uỷ ban nhân dân xã Đ được đầu tư xây dựng con đường này.

Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không làm rõ Uỷ ban nhân dân xã Đ có được phê duyệt làm chủ đầu tư công trình này hay không? Nếu có thì cấp nào phê duyệt? Phê duyệt như thế nào và trình tự thủ tục phê duyệt?

Hồ sơ vụ án thể hiện hợp đồng kinh tế số 01/HĐ-KT ngày 06/02/2006 được ký giữa Xí nghiệp xây dựng D và Uỷ ban nhân dân xã Đ nhưng không có hồ sơ kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến quá trình thi công..v.v.. nhưng không được cấp sơ thẩm làm rõ việc ký hợp đồng và quy trình thực hiện có hợp pháp hay không, cấp sơ thẩm không căn cứ vào các văn bản pháp luật về đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

Khi lấy lời khai của đương sự thì ông H cho biết việc hai bên ký hợp đồng không có nghị quyết của Hội đồng nhân dân; quyết định chỉ định thầu không căn cứ vào bất cứ nghị quyết hay chỉ đạo nào của các cấp có thẩm quyền. Điều này được thể hiện khi bàn giao giữa hai nhiệm kỳ chủ tịch thì ông H không bàn giao công việc này cho người kế nhiệm (BL 26, 27 và 48). Khi giải quyết vụ án, ngoài việc không xem xét toàn bộ hồ sơ thầu, Hợp đồng kinh tế thì cấp sơ thẩm cũng không xem xét tính hợp pháp của biên bản làm việc ngày 06/4/2006 nên chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng toàn bộ những tài liệu như Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu, Biên bản làm việc, Biên bản thanh lý hợp đồng đối với việc xây dựng đoạn đường từ khu 8 đi G đều là giả mạo, những tài liệu này do ông Lê Văn B ghép các văn bản khác vào (Ông B thi công nhiều đoạn đường cho xã) vì Ủy ban không hề có bản gốc cũng như không ký hợp đồng để Xí nghiệp xây dựng D xây dựng đoạn đường này, chính vì vậy khi hết nhiệm kỳ ông không bàn giao cho người kế nhiệm. Khi Hội đồng xét xử tiến hành so sánh, đối chiếu các tài liệu do ông Lê Văn B xuất trình khi khởi kiện với các tài liệu xây dựng các con đường khác thấy trang cuối giống hệt nhau, tài liệu do ông B xuất trình không phải là bản gốc và không được cấp sơ thẩm xem xét thấu đáo.

Khi kháng cáo và kháng nghị thì người kháng cáo, kháng nghị đã nêu nhiều điểm bất hợp lý của bản án sơ thẩm và nhiều vấn đề về quản lý tài chính, sử dụng ngân sách và quyết định đầu tư của ông H nhưng không được cấp sơ thẩm làm rõ.

Như vậy các sai phạm, thiếu sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm, kháng cáo và kháng nghị được chấp nhận, cần hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V.

Án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân xã Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí: Ủy ban nhân dân xã Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: AA/2016/0003871 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quang Hùng